

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC HÒA  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 227/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 16- 9 - 2019

V/v tranh chấp: Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Tuyết Nhung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lý Văn Hùng;

2. Bà Nguyễn Thị Rạt.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Kiều Thị Tùng Khương- là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 834/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 276/2019/QĐXX-ST ngày 27 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Trương Thị Bích N**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An;

2. *Bị đơn:* **Ông Trần Minh T**, sinh năm 1997

Địa chỉ: ấp HH, xã ĐHT, huyện Đ, tỉnh Long An

*Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và phần trình bày tiếp theo của nguyên đơn, Trương Thị Bích N như sau:*

Sau quá trình tìm hiểu, bà N và ông Trần Minh T tiến đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 02/01/2019 tại UBND xã ĐHT. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với gia đình chồng. Thời gian sống chung được 04 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, ông T không quan tâm vợ. Bản thân bà N cảm thấy không đủ sức khỏe để phụ cha mẹ chồng chăm lo cho gia đình. Bà đã về nhà cha mẹ ruột ở khoảng 03 tháng nay. Từ đó đến nay ông T có đến gặp bà năn nỉ để hàn

gắn tính cảm và hứa sẽ thay đổi nhưng ông T vẫn không thay đổi, không quan tâm đến bà, lúc say sưa ông T có hành động bạo lực và dọa sẽ giết bà. Nay bà xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Minh T.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Trần Minh T trình bày:*

Ông T xác định sau thời gian tìm hiểu thì ông và bà N tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 02/01/2019. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với gia đình ông T một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Ông thừa nhận không làm đúng bổn phận của một người chồng. Hiện tại bà N đã về nhà cha mẹ ruột ở khoảng 03 tháng nay, từ đó đến nay ông có đến gặp để năn nỉ hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả do bà N không đồng ý. Theo ông, do bà N có quen người đàn ông khác nên có ý định ly hôn với ông để được làm kết hôn với người đó. Tại phiên hòa giải, ông T không đồng ý ly hôn, tuy nhiên sau đó có bản tự khai trình bày đồng ý ly hôn vì nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được.

Về nuôi con chung: Ông và bà N không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Trương Thị Bích N nộp đơn khởi kiện ly hôn với ông Trần Minh T có địa chỉ tại ấp HH, xã ĐHT, huyện Đ nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Về phạm vi giải quyết của Hội đồng xét xử: Theo đơn khởi kiện và các lời trình bày tiếp theo của bà N chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Minh T. Bà N và ông T trình bày không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ Khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xem xét trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của bà N.

Về việc giải quyết vắng mặt đương sự: Trương Thị Bích N và ông Trần Minh T đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Xét đơn xin giải quyết vắng mặt của các đương sự là tự nguyện và phù hợp với quy định tại các Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về nội dung:

Trương Thị Bích N và ông Trần Minh T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 02/01/2019 tại Ủy ban nhân dân xã ĐHT, huyện Đ, tỉnh Long An nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Theo lời trình bày của bà N do vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, ông T không quan tâm vợ. Bà N đã về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng không còn sống chung. Bà N cho rằng cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc, không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Bị đơn ông T thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, bản thân ông chưa làm tròn bổn phận của người chồng. Tại phiên hòa giải của Tòa án thì ông T không đồng ý ly hôn, tuy nhiên sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, ông T nộp bản tự khai trình bày ý kiến đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà N.

Qua đó cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của các bên không đạt được, các đương sự đều thống nhất ly hôn nên căn cứ Điều 55, 56 của Luật Hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

Về con chung: Các đương sự đều trình bày không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự thống nhất trình bày không có và xác định không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn Trương Thị Bích N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà N đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 207, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 55, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của Trương Thị Bích N.

Về quan hệ hôn nhân: Trương Thị Bích N được ly hôn với ông Trần Minh T.

Về con chung: Trương Thị Bích N và ông Trần Minh T xác định không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Trương Thị Bích N và ông Trần Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Trương Thị Bích N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003326 ngày 08/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Trương Thị Bích N đã nộp đủ án phí.

Trương Thị Bích N và ông Trần Minh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- UBND xã ĐHT, huyện Đ, tỉnh Long An (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Dương Thị Tuyết Nhung**